

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 24-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Thu Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 6, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị Kim Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Thu Th trình bày: Từ ngày 22/5/2018 đến ngày 05/10/2018 ông Nguyễn Hùng C có đến đại lý của bà mua vật tư thủy sản để nuôi

tôm với số tiền tổng cộng là 781.994.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), mỗi lần giao nhận hàng thì con gái ông C là Nguyễn Thị Kim Ng ký nhận hàng, hai bên thỏa thuận sau khi ông C thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền cho bà. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch thì ông C không thanh toán nợ cho bà, bà có nhiều lần liên hệ với ông C để yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông C không thanh toán. Đến ngày 25/10/2018, ông C có nhờ người thanh toán cho bà được số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn lại 581.994.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) thì không thanh toán tiếp tục cho đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà Ch cùng thanh toán cho bà số tiền 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hùng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim Ng đã được triệu tập họp lệ nhưng không trình bày ý kiến để yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21 tháng 9 năm 2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Hùng C là vợ chồng có giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng bà có khu đất nuôi tôm, vào năm 2018 ông C có đến cửa hàng mua bán vật tư nuôi tôm của bà Th ở Ba Hòn để mua thuốc và thức ăn nuôi tôm, do không có tiền mặt nên bà Th cũng đồng ý bán thiếu cho đến khi nào bắt tôm thì trả tiền. Nhưng do thua lỗ nên vợ chồng bà không có đủ tiền trả. Hiện nay số tiền vợ chồng bà còn nợ bà Th là 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng). Khi Tòa án thông báo việc bà Th khởi kiện bà có báo với ông C và ông C cũng thừa nhận số tiền nợ trên nhưng hiện nay chưa có tiền để trả. Vợ chồng bà sẽ cố gắng thanh toán số nợ này cho bà Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy, Từ ngày 22/5/2018 đến ngày 05/10/2018 ông Nguyễn Hùng C có đến đại lý của bà Th mua vật tư thủy sản để nuôi tôm với số tiền tổng cộng là 781.994.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), hai bên thỏa thuận sau khi ông C thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền. Đến ngày 25/10/2018, ông C có nhờ người thanh toán được số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn lại 581.994.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) thì không thanh toán tiếp tục cho đến nay. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở

chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th buộc vợ chồng ông C, bà Ch cùng thanh toán cho bà số tiền 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng), ghi nhận ý kiến của bà Th không yêu cầu tính lãi. Về án phí buộc ông C, bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn bà Hà Thị Thu Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng C tại Tòa án nhân dân thành phố H. Nơi bị đơn ông Nguyễn Hùng C cư trú tại ấp N, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hùng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Ch, chị Nguyễn Thị Kim Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được đồng thời ghi nhận ý kiến của đương sự có mặt theo quy định tại Điều 207, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử ông C, bà Ch, chị Ng cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà Ch, chị Ng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Từ ngày 22/5/2018 đến ngày 05/10/2018 ông Nguyễn Hùng C có đến đại lý của bà Hà Thị Thu Th mua vật tư thủy sản để nuôi tôm với số tiền tổng cộng là 781.994.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Đến ngày 25/10/2018, ông C có nhờ người thanh toán cho bà được số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn lại 581.994.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) thì không thanh toán tiếp tục cho đến nay nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng mua bán giữa bà Hà Thị Thu Th và ông Nguyễn Hùng C tuy các bên không xác lập hợp đồng bằng văn bản chỉ là sự thỏa thuận miệng với nhau, từ ngày 22/5/2018 đến ngày 05/10/2018 bà Th đã giao hàng cho ông C, có con gái ông C là chị Ng ký nhận, căn cứ Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và hình thức của giao dịch dân

sự thì giao dịch có thể bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, do đó giao dịch dân sự giữa bà Th, ông C tuy không thể hiện bằng văn bản nhưng vẫn có giá trị, phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Bà Th đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán là giao đủ tài sản, ông C đã nhận tài sản là vật tư nuôi tôm, đã thu hoạch tôm nhưng không thực hiện nghĩa vụ của bên mua là trả đủ tiền, là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21 tháng 9 năm 2020 bà Võ Thị Kim Ch là vợ của ông Nguyễn Hùng C hoàn toàn thừa nhận vào năm 2018 ông C có đến cửa hàng mua bán vật tư nuôi tôm của bà Th ở Ba Hòn để mua thuốc và thức ăn nuôi tôm, do không có tiền mặt nên bà Th cũng đồng ý bán thiếu cho đến khi nào bắt tôm thì trả tiền. Hiện nay số tiền vợ chồng bà còn nợ bà Th là 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng). Từ những căn cứ trên cần buộc ông Nguyễn Hùng C và bà Võ Thị Kim Ch thanh toán cho bà Th số tiền nợ là 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng), ghi nhận ý kiến của bà Th không yêu cầu tính lãi chậm trả từ khi mua hàng cho đến nay.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hùng C và bà Võ Thị Kim Ch phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 430, Điều 434 và Điều 440 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hùng C và bà Võ Thị Kim Ch cùng trả cho bà Hà Thị Thu Th số tiền 581.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hùng C và bà Võ Thị Kim Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.240.000đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Hà Thị Thu Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.620.000đ (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003646 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giang Phước Thành